TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **90**/2018/DS-ST
Ngày: 22/6/2018.
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A PHÚ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Phượng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hồng**

2. Ông **Võ Văn Minh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Chúc Phương** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Atham gia phiên tòa:

Ông **Phạm Hoàng Lưu** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **22** tháng **6** năm **2018** tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Amở phiên toà xét sử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2018/TLST – DS ngày 09 tháng 01 năm 2018 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2018/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc S**, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ 13, ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Hồ Văn B**, sinh năm 1978; bà **Lê Thị Cẩm L**, sinh năm 1981.

Cùng nơi cư trú: Tổ 18, ấp V , xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

(Tại phiên tòa: Bà S có mặt; ông B và bà L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bà Nguyễn Thị Ngọc S, trình bày: Do quen biết, nên ngày 10/8/2016 bà cho ông Hồ Văn B (V) và bà Lê Thị Cẩm L vay số tiền 65.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 10 ngày sẽ trả vốn gốc, lãi suất 5%/tháng, mục đích vay là để làm ăn. Ông B có làm cho bà một biên nhận nợ ngày 20/8/2016 (âm lịch). Ngày 25/12/2016 ông B và bà L trả bà 10.000.000 đồng. Bà yêu cầu ông B, bà L trả số tiền 55.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật.

Theo biên bản làm việc tại Tòa án ngày 07/02/2018 và ngày 28/5/2018 thì bà xác định ông B và bà L vay bà 50.000.000 đồng. Khi đến hạn trả lãi thì ông B trả lãi lần đầu 2.500.000 đồng, sau đó đến 06 tháng thì ông B kêu bà cộng dồn số tiền lãi vào 15.000.000 đồng, tăng số tiền vốn gốc lên 65.000.000 đồng. Do đó, ông B có làm cho bà một biên nhận nợ 65.000.000 đồng. Ngày 25/12/2016 thì ông Hồ Văn B (Vạn) trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng. Sau đó thì trả tiếp 2.000.000 đồng và 2.500.000 đồng (không nhớ thời gian cụ thể), tổng số tiền trả là 14.500.000 đồng, còn nợ lại 50.500.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2018 bà Nguyễn Thị Ngọc S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, xác định yêu cầu ông Hồ Văn B và bà Lê Thị Cẩm L trả số tiền vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Chứng cứ bà S cung cấp cho Tòa án gồm: Biên nhận nợ (bản photo coppy), sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì ông B, bà L vẫn không có mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 20/3/2018, Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Lê Thị Cẩm L, bà L trình bày Tòa án có thông báo mời nhiều lần nhưng do bà và ông B bận công việc nên không đến tòa. Việc ông B và bà S vay tiền cụ thể như thế nào thì bà không biết nhưng bà cũng biết là ông B có nợ bà S số tiền 50.000.000 đồng, do bà S đến nhà thu hồi nợ. Bà đồng ý cùng ông B có trách nhiệm trả nợ vay, nhưng xin trả dần 500.000 đồng/tháng cho đến khi dứt nợ, trả một lần thì bà không có khả năng.

Biên bản ngày 29/5/2018, ông B trình bày cho Tòa án, ông có nhận được thông báo của Tòa án nhưng đi làm nên không đến Tòa án được. Ông xác định có vay của bà S số tiền 50.000.000 đồng vào giữa năm 2014, mục đích vay để làm ăn nhưng thua lỗ không trả được, lãi suất thỏa thuận 6%/tháng, ông đã trả lãi cho bà S đến cuối năm 2016 nhưng không nhớ cụ thể số tiền lãi đã trả, thời gian trả lãi. Ông xác định không yêu cầu xem xét lại phần lãi suất đã trả trước đó cho bà S. Nay ông và vợ là bà Lê Thị Cẩm L đồng ý trả số tiền vay 50.000.000 đồng cho bà S nhưng xin trả dần 1.000.000 đồng/ tháng, bởi trả một lần thì không có khả năng.

Tại phiên toà hôm nay: Bà S vẫn B lưu ý kiến trên. Ông B, bà L vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX nghĩ nên xét xử vắng mặt ông B và bà L theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm B quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi.

Về nội dung: Do các đương sự đã thống nhất nợ, đề nghị HĐXX xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S, buộc ông Hồ Văn B và bà Lê Thị Cẩm L liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc S số tiền vay 50.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị Ngọc S không yêu cầu tính lãi suất là có lợi cho bị đơn nên đề nghị HĐXX công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyế*t: Trong năm 2016 (theo biên nhận bà S cung cấp), ông B vay tiền của bà S. Do không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nên phát sinh tranh chấp. Xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản";* là hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thời hiệu, hình thức và nội dung hợp đồng*: Hợp đồng vay tài sản giữa hai bên được xác lập vào năm 2016, thỏa thuận thông qua lời nói, không làm hợp đồng vay, tuy nhiên ông B có làm cho bà S một biên nhận viết tay ngày 20/8/2016 âm lịch, theo đó ghi nhận việc ông B vay số tiền 65.000.000 đồng, các bên có thỏa

thuận lãi suất nhưng không nhớ cụ thể, sau khi vay được một thời gian thì ông B ngưng trả lãi. Bà S có nhiều lần thu hồi nợ nhưng không được. Ngày 08/01/2018 bà S khởi kiện, xét vụ việc còn trong thời hiệu. Hợp đồng vay được thỏa thuận bằng lời nói, thể hiện sự tự nguyện giữa các bên, là hợp đồng hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[3] *Về tư cách tham gia tố tụng*: Bà S kiện yêu cầu ông B và bà L trả nợ vay, xác định bà S là nguyên đơn, ông B và bà L là đồng bị đơn.

[4] *Về nội dung tranh chấp*: Trong đơn khởi kiện và bản tự khai bà S yêu cầu ông B và bà L trả 55.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Khi tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì bà S rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B và bà L trả số tiền vay 50.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2018 bà S tiếp tục rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B và bà L trả số nợ vay 50.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất. Về phía bị đơn ông B thừa nhận số nợ 50.000.000 đồng, xác định có trả lãi suất cho bà S nhưng đồng ý không xem xét lãi suất đã trả trước đó. Bà L tuy không biết việc vay tiền giữa bà S và ông B nhưng cũng đồng ý cùng có trách nhiệm liên đới với ông B trả nợ vay. Do các đương sự đã thống nợ nên HĐXX công nhận.

Về phần lãi suất, bà S trình bày lãi suất cho vay là 5%/tháng, số tiền lãi nhận của ông B là 2.500.000 đồng, sau đó tiếp tục cộng dồn lên 15.000.000 đồng tiền lãi thành 65.000.000 đồng trong biên nhận nợ, tổng cộng tiền lãi đã nhận là 17.500.000 đồng; ông B xác định lãi suất cho vay là 6%/tháng, có trả lãi cho bà S nhưng lại không nhớ cụ thể thời gian và số tiền lãi đã trả, ông B cũng đồng ý không yêu cầu xem xét lại lãi suất đã trả trước đó cho bà S. Lẽ ra phần lãi mà ông B đã trả cho bà S được xem xét lại cho phù hợp với quy định của pháp luật, nếu xét thấy cao hơn sẽ khấu trừ vào vốn gốc, nhưng do các đương sự không thống nhất thời gian vay, không thống nhất lãi suất cho vay, bên phía bị đơn - ông B chỉ nhớ có trả lãi, không đưa ra được chứng cứ chứng minh cụ thể và cũng không yêu cầu xem xét lại lãi suất, nên HĐXX không xem xét. Tại phiên tòa thì bà S yêu cầu vốn gốc 50.000.000 đồng và không yêu cầu lãi suất, điều này là có lợi cho đồng bị đơn, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện. Như vậy, các đương sự chỉ tranh chấp nhau về thời gian trả nợ. Bà S yêu cầu trả ngay một lần, ông B và bà L xin trả dần hàng tháng cho đến khi dứt nợ.

Xét nội dung tranh chấp: Số tiền mà ông B vay của bà S là 50.000.000 đồng. Xét bà S thu hồi nợ nhưng ông B, bà L không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ vay, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà S nên chấp nhận yêu cầu của bà S.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Ông B và bà L đều đồng ý cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà S. Do đó, buộc ông B và bà L liên đới trả cho bà S số tiền 50.000.000 đồng.

Việc xin trả dần của ông B, bà L được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[5] *Về án phí*: Ông B, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho bà S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:
Điều 288, Điều 357, Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015;
Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016;
Xử:

Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền vốn là 5.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc S.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc S;

Buộc ông **Hồ Văn B** và bà **Lê Thị Cẩm L** liên đới trả cho bà **Nguyễn Thị Ngọc S** số tiền ***50.000.000 đồng*** (*năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bà S có đơn yêu cầu Thi hành án thì hàng tháng ông B, bà L còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí: Ông B, bà L phải chịu ***2.500.000 đồng*** (*hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục Thi hành án dân sự huyện A hoàn lại cho bà S tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002729 ngày 08/01/2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/6/2018); các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Toà án tỉnh;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;